

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-ST
Ngày: 27/3/2024.
V/v Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thanh Vân**

Bà Ngô Thị Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Khắc Duy** – là Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham
gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 296/2023/TLST – DS ngày
01/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS ngày
11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Quang H** (H tóc tím), sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ A 1, thị trấn N B, huyện L H, tỉnh L Đ.

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Chu C**, sinh năm: 1976

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn 4, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Phương L**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố Đông Anh 1, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh
Lâm Đồng.

“Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Quang H trình bày:* Ngày 23/11/2021 vợ chồng ông Lê Quang H, bà Lê Phương L có cho ông Nguyễn Chu C, bà Nguyễn Thị C vay tiền số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn), hai bên có viết giấy tờ mượn tiền với nhau, thời hạn trả nợ là 300 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 31/03/2022 do chưa có khả năng trả tiền nên ông C bà C hẹn ông Hải đến nhà để khất nợ với nội dung là "Khi nào bán được đất sẽ trả tiền cho ông Hải", thể hiện ở "Giấy đứng ra trả nợ cho chồng" của bà Nguyễn Thị C đề ngày 31/03/2022. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ ông H, bà L đã nhiều lần đến gặp ông C, bà C để yêu cầu ông C, bà C trả lại số tiền trên nhưng ông C, bà C khất nợ từ ngày này qua ngày khác, cố tình trốn tránh không trả tiền cho ông Hải, bà Loan. Vì vậy, ông Hải khởi kiện yêu cầu ông C, bà C phải trả cho ông H, bà L số tiền 600.000.000đồng, ông H, bà L không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra ông Hải không còn yêu cầu gì khác.

2. *Bị đơn ông Nguyễn Chu C trình bày:* Ông Nguyễn Chu C có vay của ông Lê Quang H, bà Lê Phương L số tiền 600.000.000đồng. Số tiền này ông C vay năm 2021, vay làm nhiều lần nhưng ông C không nhớ số tiền và các lần vay cụ thể, các giấy tờ vay cũ đã hủy bỏ. Sau khi vay thì ông C trả lãi ngày cho ông H, bà L tổng số tiền khoảng 700.000.000đồng nhưng tất cả các lần trả lãi đều không viết giấy tờ. Đến ngày 23/11/2021 hai bên viết lại giấy vay tiền chốt lại ông C còn nợ ông Hải bà Loan 600.000.000đồng. Các lần ông C vay tiền ông C không nói cho bà C biết vì ông C vay tiền lãi ngoài nhiều, mất khả năng trả nợ nên ông C vay tiền ông H, bà L để trả vào các khoản nợ riêng của ông C. Bà C không hay biết gì mà đến khi ông C mất khả năng thanh toán nợ thì bà C mới biết. Nay ông Hải bà Loan yêu cầu ông C phải trả số tiền 600.000.000đồng thì ông C xác định còn nợ ông H, bà L số tiền 600.000.000đồng nên ông C đồng ý trả số tiền 600.000.000đồng cho ông Hải, bà Loan. Ông C tự vay thì ông C tự trả nên ông C không yêu cầu bà C phải trả. Nhưng do ông C chưa có tiền trả ngay nên ông C xin trả dần. Đối với số tiền lãi ông C đã trả cho ông H, bà L thì ông C xác định không có giấy tờ gì chứng minh nên ông C không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi ông C đã trả cho ông Hải, bà Loan. Ngoài ra ông C không còn yêu cầu gì khác.

3. *Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:* Việc ông Nguyễn Chu C vay tiền của ông Lê Quang H, bà Lê Phương L cụ thể như thế nào thì bà Nguyễn Thị C không biết vì ông C không nói với bà Cúc, ông Hải bà Loan cũng không nói với

bà Cúc. Đến tháng 3/2022 ông C vỡ nợ nên ông H, bà L đe dọa con trai bà C nên bà C mới biết, mới gọi ông Hải bà Loan xuống nhà ông bà thì bà C có ghi giấy đứng ra trả nợ cho chồng ngày 31/3/2022. Bà C đã bán hết đất và hiện nay không còn tài sản gì nhưng vẫn không đủ để trả nợ cho ông C. Nay ông Hải bà Loan khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà C phải trả số tiền 600.000.000đồng thì bà C không đồng ý vì bà C không có vay. Ông C vay thì ông C tự trả. Ngoài ra bà C không còn yêu cầu gì khác.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Phương L trình bày:* Việc ông Nguyễn Chu C vay tiền của vợ chồng ông H, bà L như ông Hải đã trình bày là đúng, bà Loan đồng ý theo ý kiến của ông Hải và bà Loan yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà C phải trả cho vợ chồng bà Loan số tiền 600.000.000đồng. Ngoài ra bà Loan không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/02/2024 Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành do các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Các bên xác định số tiền 600.000.000đồng là nợ riêng của ông C nên ông H, bà L và ông C thống nhất không yêu cầu bà C phải có trách nhiệm trả nợ. Ông C đồng ý trả cho ông H, bà L số tiền 600.000.000đồng. Tuy nhiên đến ngày 04/3/2024 Tòa án nhận được đơn yêu cầu thay đổi nội dung thỏa thuận nên Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với ông Nguyễn Chu C, bà Nguyễn Thị C. Buộc ông Nguyễn Chu C phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quang H, bà Lê Phương L số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng). Buộc ông C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 23/11/2021 ông Nguyễn Chu C có ký giấy mượn tiền của vợ chồng ông Lê Quang H, bà Lê Phương L số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn), thời hạn trả nợ là 300 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 31/03/2022 bà C ghi giấy khi nào bán được đất sẽ trả tiền cho ông Hải. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ ông C, bà C không trả. Vì vậy, ông Hải khởi kiện yêu cầu ông C, bà C phải trả cho ông H, bà L số tiền 600.000.000đồng. Đồng thời hai bên xác định mặc dù giấy ghi là giấy mượn tiền nhưng thực chất đây là việc ông H, bà L cho ông C vay tiền. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai thừa nhận của các bên đương sự thì: Chứng cứ ông Lê Quang H đi khởi kiện là giấy mượn tiền ghi ngày 23/11/2021 (BL 23) thể hiện ông H, bà L có cho ông Nguyễn Chu C vay số tiền 600.000.000đồng, thời hạn trả nợ là 300 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Ông C thừa nhận có vay của ông H, bà L số tiền 600.000.000đồng, việc vay tiền vào năm 2021 và vay làm nhiều lần nhưng ông C không nhớ số tiền và các lần vay cụ thể, các giấy tờ vay cũ đã hủy bỏ. Theo ông C thì sau khi vay ông C trả lãi ngày cho ông H, bà L số tiền khoảng 700.000.000đồng đến ngày 23/11/2021 hai bên viết lại giấy vay tiền chốt lại ông C còn nợ ông Hải bà Loan 600.000.000đồng. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông C nhận trách nhiệm trả số tiền 600.000.000đồng nhưng ông H, bà L không đồng ý mà ông H, bà L cho rằng ông C, bà C là vợ chồng và căn cứ vào "Giấy đứng ra trả nợ cho chồng" của bà Nguyễn Thị C đề ngày 31/03/2022 nên ông C, bà C phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Hải, bà Loan.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 về nghĩa vụ chung đối với tài sản của vợ chồng thì: *“Khoản nợ phát sinh từ giao dịch do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*.

Theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình”*. Đồng thời, theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng thì *“vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại điều 37 của luật này”*.

Xét thấy, tại giấy mượn tiền ngày 23/11/2021 (BL 23) chỉ có chữ ký, chữ viết nhận nợ của ông Nguyễn Chu C, không có chữ ký, chữ viết nhận nợ của bà Nguyễn Thị C. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H, bà L và ông C đều thừa nhận ngày 23/11/2021 bà C không hỏi vay tiền của ông H, bà L mà chỉ có một mình ông C hỏi vay, khi cho ông C vay và giao tiền chỉ có ông C, còn bà C không biết việc vay tiền, sau khi cho vay thì ông H, bà L cũng không thông báo cho bà C biết và cũng không đòi nợ bà C (BL 44). Ông C thừa nhận vay số tiền này không đưa cho bà C mà để dùng vào việc riêng của ông C. Bản thân bà C cũng khai không biết việc vay tiền vì không ai nói với bà, ông C cũng không đưa tiền cho bà nên bà C không đồng ý trả số tiền trên. Ông H, bà L không có chứng cứ chứng minh ông C sử dụng số tiền trên nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và số tiền vay là số tiền lớn nên không thể nói dùng số tiền trên nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, có cơ sở khẳng định số tiền 600.000.000đồng ông C vay của ông H, bà L là nợ riêng của ông C. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì bà C không có trách nhiệm liên đới đối với nghĩa vụ trả nợ của ông C.

[3]. Đối với "Giấy đứng ra trả nợ cho chồng" ngày 31/03/2022 của bà Nguyễn Thị C (BL 22) thì Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm ông C vay tiền của ông H, bà L không liên quan đến bà C nhưng đến ngày 31/3/2022 bà C viết giấy đứng ra trả nợ cho chồng với nội dung *“Chồng tôi tên Nguyễn Chu C, có mượn của anh Lê Quang H 600.000.000đồng. Sau khi tôi bán đất xong sẽ trả đủ số tiền trên”*, các bên đều thừa nhận thời điểm viết giấy này là vào ngày 31/3/2022, thời điểm này chưa đến thời hạn trả nợ. Theo ông H, bà L thì do ông C vay rất nhiều người, ông C mất khả năng trả nợ nên bà C mới viết giấy này. Bà C và ông C cũng xác định thời điểm này ông C mất khả năng thanh toán nợ, bà C viết giấy trên là do ông Hải đe dọa gia đình ông bà nên bà C mới viết giấy này nhưng bà C không có chứng cứ chứng minh có việc ông Hải đe dọa gia đình bà.

Qua xem xét thì Hội đồng xét xử xét thấy, thực chất giấy này là bà C viết để bảo lãnh, cam kết với ông H, bà L khi đến hạn trả nợ thì bà C bán đất để trả nợ thay cho ông C, trong trường hợp ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ chứ không phải bà C viết giấy này thì số nợ 600.000.000đồng đương nhiên trở thành nợ chung của bà C và ông C. Theo quy định tại Điều 335 Bộ Luật Dân sự người bảo lãnh sẽ thực hiện thay nghĩa vụ nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trong vụ án này ông C tham gia tố tụng theo đúng quy định và nhận trách nhiệm trả nợ, ông C không yêu cầu bà C phải trả nợ nên không thể buộc bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo giấy đứng ra trả nợ cho chồng lập ngày 31/03/2022. Hơn nữa, nếu bà C viết “giấy đứng ra trả nợ cho chồng” nên nghĩa vụ trả nợ chuyển giao sang cho bà C thì theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự quy định về chuyển giao nghĩa vụ thì “*Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ*” nếu theo giấy này là chuyển giao nghĩa vụ thì ông H, bà L phải yêu cầu bà C trả nợ toàn bộ số tiền trên, không yêu cầu ông C phải trả nợ bởi lẽ giấy này chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ chứ không chuyển giao một phần nghĩa vụ. Vì vậy, việc ông Hải bà Loan căn cứ vào “Giấy đứng ra trả nợ cho chồng” ngày 31/03/2022 của bà C để cho rằng bà C có trách nhiệm liên đới trả nợ là không đúng.

[4]. Ông H, bà L xác định số tiền 600.000.000đồng ông bà cho ông C vay, ông bà không yêu cầu trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Ông Lê Quang H và bà Lê Phương L xác định số tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng, khi vay chỉ ghi tên Loan Hải và một mình ông Hải đứng đơn khởi kiện nhưng đây là tài sản chung của ông H, bà L nên ông H, bà L yêu cầu phải trả cho vợ chồng ông bà nên cần ghi nhận.

[6]. Từ những căn cứ nêu trên, buộc ông C phải trả số tiền 600.000.000đồng cho ông Hải, bà Loan. Không có căn cứ buộc bà C phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên theo yêu cầu của ông Hải, bà Loan.

[7]. Đối với việc ông C khai ông vay số tiền 600.000.000đồng vào năm 2021 và vay làm nhiều lần nhưng ông C không nhớ số tiền và các lần vay cụ thể, các giấy tờ vay cũ đã hủy bỏ. Theo ông C thì sau khi vay thì ông C trả lãi ngày cho ông H, bà L số tiền khoảng 700.000.000đồng đến ngày 23/11/2021 hai bên viết lại giấy vay tiền chốt lại ông C còn nợ ông Hải bà Loan 600.000.000đồng. Nhưng ông C không có chứng cứ chứng minh các lần ông vay tiền, có trả lãi

như ông C khai và ông C khẳng định không có yêu cầu gì đối với số tiền ông C đã trả. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hải nên buộc ông C phải chịu 28.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông C phải trả cho ông Hải, bà Loan.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Hải.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với ông Nguyễn Chu C, bà Nguyễn Thị C.

Buộc ông Nguyễn Chu C phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quang H, bà Lê Phương L số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng)

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Chu C phải chịu 28.000.000đồng (Hai mươi tám triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Quang H số tiền 14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí ông Lê Quang H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004339 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2024) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang